

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: **02/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 13/01/2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dữ.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K-tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 172/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn B, sinh năm 1986; ĐKKHKT và trú tại: xóm K, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1990; ĐKKHKT: xóm Kh, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Vũ Văn B trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã C năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm K, xã V, huyện K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2018

Theo anh B thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, lối sống, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng và gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn không được khắc phục. Do vậy, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 8B, xã L sinh sống, ly thân với anh B từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau

được nữa. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Vũ Phạm Chí N, sinh ngày 01/10/2015, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn, anh nhường quyền nuôi con cho chị H và không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Phạm Thị H trong các biên bản làm việc ngày 22/10/2020, 23/11/2020 thể hiện: Chị xác nhận điều kiện, thời gian kết hôn như anh B đã trình bày. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh B có xảy ra mâu thuẫn do anh B có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc vợ con mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải. Nay anh B xin ly hôn với chị, chị nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị cũng xác nhận vợ chồng có 1 con chung là Vũ Phạm Chí N, sinh ngày 01/10/2015 và khi ly hôn chị sẽ tiếp tục nuôi con chung, việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con tùy anh B quyết định.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ kiện: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị H; giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Vũ Phạm Chí N, sinh ngày 01/10/2015 đến khi thành niên; anh Vũ Văn B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 01/2021 đến khi con chung thành niên; anh B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Vũ Văn B khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Phạm Thị H, cư trú tại xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn anh Vũ Văn B đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Phạm Thị H đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã C, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía anh B xác định mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống. Vợ chồng và gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Đến năm 2018, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, ly thân với anh.

Về phía chị H chị xác định nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh B có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng chị không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc này. Khi được hỏi quan điểm đối với yêu cầu ly hôn của anh B thì chị nhất trí ly hôn, chị không tham gia hòa giải tại Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh B và chị H tại UBND xã V là nơi anh chị cư trú trước đây, thì chính quyền địa phương xác nhận anh B và chị H có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2018.

Mặc dù nguyên nhân hai bên trình bày có khác nhau nhưng cả anh B và chị H đều xác nhận do mâu thuẫn trong cuộc sống kéo dài không giải quyết được nên vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh B và chị H đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau được.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh B và chị H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh B giải quyết ly hôn với chị H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Qua xác minh và trình bày của anh B, chị H thì anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị H có 01 con chung là Vũ Phạm Chí N, sinh ngày 01/10/2015 hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, về cấp dưỡng chị không có yêu cầu cụ thể tùy anh B quyết định. Về phía anh B nhường quyền nuôi con cho chị H và không đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị H.

Thực tế từ khi ly thân đến nay con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. và cuộc sống của con chung tuy vẫn được đảm bảo mà không có sự đóng góp của anh B; mặc dù chị H không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng và để anh B tự có ý kiến về trách nhiệm cấp dưỡng với con chung. Nhưng xét thấy để đảm bảo cuộc sống ổn định về sinh hoạt, học tập của con chung thì giao chị H tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và anh B phải đóng góp tiền nuôi con chung cho chị H mới phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh B phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa anh Vũ Văn B và chị Phạm Thị H.

2/ Về con chung: Giao chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Vũ Phạm Chí N, sinh ngày 01/10/2015 đến khi thành niên. Anh B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hằng mỗi tháng 01 triệu đồng kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Anh Vũ Văn B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2446 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, anh B phải nộp thêm 300.000đ

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B không nộp số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh